

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-12-2021

*“V/v Ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Ông Phạm Công Định

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:*** Bà Phạm Thị  
Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2021, về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2021/QĐ-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu dân cư Nhắm Dương, phường DT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương (có mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1998

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn Xuân Cầu, xã LL, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản (vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Lê Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: thôn Xuân Cầu, xã LL, thị xã KM, tỉnh Hải Dương (đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh và chị Nguyễn Thị Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường DT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/10/2016. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng thuê trọ ở thành phố Hải Dương để tiện đi làm, cuối tuần về quê ở cùng bố mẹ anh. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau khoảng hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, chủ yếu về vấn đề kinh tế. Chị Th muốn hai vợ chồng chuyển sang bên ông bà ngoại sinh sống để được hỗ trợ nhiều hơn về kinh tế nhưng anh không đồng ý. Do không thống nhất được nên cuối năm 2018, chị Th đã để lại con cho anh rồi bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Năm 2019, chị Th làm đơn xin ly hôn và anh đã ký đơn, sau đó nộp đơn đến Tòa án nhân dân thị xã KM nhưng anh đợi mãi không thấy giải quyết, hỏi bạn bè của chị Th thì được biết chị Th đã rút đơn về và sang Nhật Bản làm ăn. Từ đó đến nay hai vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

- *Về con chung*: Anh và chị Th có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 11/8/2017, hiện nay cháu đang ở cùng anh và bà nội. Anh đang làm quản lý sản xuất ở Công ty may TL, địa chỉ: KCN LV, huyện KTh, tỉnh Hải Dương, thu nhập trung bình khoảng gần 15 triệu đồng/tháng. Bố mẹ anh đều ở nhà, hàng ngày hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con cái. Do đó, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con chung. Anh tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh S không cung cấp được địa chỉ của chị Th tại Nhật Bản nên Tòa án đã xác minh qua gia đình chị Th, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị Th. Bà Lê Thị T là mẹ đẻ chị Th xác định, chị Th hiện làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị Th nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, chị Th thường xuyên liên lạc về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Th biết. Theo bà T cung cấp thì về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung như anh S trình bày là đúng. Kể từ khi chị Th đi Nhật Bản thì chị Th và anh S không còn liên lạc với nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Việc anh S làm đơn xin ly hôn với chị Th, bà đã thông báo cho chị Th biết. Quan điểm của chị Th cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu, hai vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không

còn, chị nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của anh S và giao con chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh S. Vợ chồng chị Th, anh S không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Tại phiên tòa anh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th và giao con chung cháu Nguyễn Thị Trà M cho anh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Bị đơn chị Th vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị Th;

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 11/8/2017 cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con;

Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị Th. Chị Th hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S không cung cấp được địa chỉ của chị Th tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã

hai lần yêu cầu gia đình chị Th cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Th.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Th được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường DT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/10/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th. Thông qua gia đình, chị Th có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh S. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh S và chị Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh S xin ly hôn chị Th là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh S và chị Th có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 17/8/2017. Hiện cháu My đang ở với anh S. Xét thực tế, chị Th đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Th được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh S phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ

phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn S tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 11/8/2017, thời gian từ tháng 12/2021 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn S không yêu cầu chị Nguyễn Thị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

*Chị Nguyễn Thị Th được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.*

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007332 ngày 22/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (Anh S đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/12/2021); Chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường DT, thị xã KM, tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mai Hoa**